TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long

Bà Nguyễn Thị Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị K- Sinh năm 1972

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T - Sinh năm 1968
Cùng trú tại: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh T.
Tại phiên tòa, có mặt chị K, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2017, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị K trình bày: Chị và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng12 năm 1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau 24 năm, trải qua bao nhiêu năm chung sống vợ chồng chị bảo nhau làm ăn, nuôi dậy các con. Nhưng 10 năm trở lại đây, anh T thường xuyên uống rượu rồi gây sự, chửi bới, phá đồ trong nhà, đã nhiều lần chị Kvà các con khuyên ngăn nhưng không được. Cách đây 03 năm chị K đã làm đơn gửi Tòa án huyện Triệu Sơn để giải quyết. Tuy nhiên anh T đã xin chị và các con tha thứ và hứa sẽ sửa chữa có mặt hai bên gia đình chị chứng kiến. Chị nghĩ về tương lai của các con nên đã chấp nhận tha thứ cho anh T và rút đơn. Nhưng chỉ được một thời gian, anh T lại tiếp tục chứng nào tật nấy thậm chí còn có phần hơn trước. Trong khoảng thời gian này, anh T đã có lần cầm dao, kéo để đâm chị. Ngày 15/08/2017, chị K đã quyết định sống ly thân. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không

thể tiếp tục được nữa, chị K làm đơn gửi Tòa án huyện Triệu Sơn yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Hà Thị O sinh năm 1995, cháu Hà Thị T1 sinh năm 1996, cháu Hà Thị T2 sinh ngày 05/10/2002, cháu Hà Thị T3 sinh ngày 09/03/2006. Chị K có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3, còn cháu O và cháu T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ở với ai là quyền của cháu. Chị K không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hà Văn T nhưng anh T không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị K nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Hà Văn T có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại: Thôn D, xã H, huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hà Văn T nhưng anh T không có ý kiến gì gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh T vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị K trình bày, chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 1993. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị K không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì trong sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1993 không có tên chị Lê Thị K và anh Hà Văn T nên không có cơ sở xác định chị K và anh T có đăng ký kết hôn.

Quá trình chị K và anh T chung sống với nhau đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX xác định quan hệ hôn nhân của chị K và anh T không hợp pháp. Xét mối quan hệ giữa chị K và anh T không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhân quan hệ giữa chị K và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị K và anh T có 04 con chung là cháu Hà Thị O sinh năm 1995, cháu Hà Thị T1 sinh năm 1996, cháu Hà Thị T2 sinh ngày 05/10/2002, cháu Hà Thị T3 sinh ngày 09/03/2006.

Chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con là cháu Hà Thị T2 và Hà Thị T3, đây là nguyên vọng chính đáng. Hai cháu ở với mẹ trong thời gian chị K và anh T ly thân, các cháu khỏe mạnh, được đi học đầy đủ và đều có nguyện vọng

ở với mẹ. Do đó, giao các cháu cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp. Chị K không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Cháu O và cháu T1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên ở với ai là quyền của các cháu. Trong quá trình nuôi dưỡng, người nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người kia có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh T có quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 14,15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị K và anh Hà Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận chị K và anh T có 04 con chung là: Hà Thị O sinh năm 1995, chị Hà Thị T1 sinh năm 1996, cháu Hà Thị T2 sinh ngày 05/10/2002 và cháu Hà Thị T3 sinh ngày 09/03/2006. Giao cháu T2 và cháu T3 cho chị Lê Thị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001042 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị K đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Hợp Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu